TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2023/DS-ST
Ngày 30/9/2023
Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Đào;

+ Ông Mai Văn Tự.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Mai Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương; *(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Huỳnh Nhật Q, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Dương *(Văn bản ủy quyền ngày 25/7/2023) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp B, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề và bản tự khai, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn N có cho ông Q vay tiền nhiều lần dưới hình thức ông Q điện thoại cho ông N để hỏi vay tiền. Ông N chuyển khoản cho ông Q và khi có tiền thì ông Q chuyển khoản trả lại cho ông N. Trong lần cho vay từ ngày 28/3/2023 đến ngày 05/4/2023, ông Q đã nhắn tin, điện thoại cho ông N để hỏi vay tiền. Như các lần vay trước, ông N có chuyển khoản cho ông Q vay 04 lần, cụ thể như sau :

Lần thứ nhất ông Q vay số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 28/3/2023

Lần thứ hai ông Q vay số tiền 70.000.000 đồng vào ngày 30/3/2023

Lần thứ ba ông Q vay số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 03/4/2023

Lần thứ tư ông Q vay số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 05/4/2023

Tổng số tiền ông Q đã vay của ông N là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng, mục đích vay để đặt cọc mua đất. Khi vay, hai bên không lập biên bản, thỏa thuận miệng lãi suất 03%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả.

Sau khi vay tiền, ông Q không trả tiền lãi, không trả lại tiền gốc. Khi ông N yêu cầu ông Q trả tiền thì ông Q né tránh và không trả lại tiền cho ông N nên ông N khởi kiện ông Q, yêu cầu ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2023, ông Lê Văn Q trình bày:

Ông Q thừa nhận có vay tiền nhiều lần của ông N, trong đó có các lần vay vào các ngày 28/3/2023, 30/3/2023, 03/4/2023, 05/4/2023 như các ủy nhiệm chi ông N đã cung cấp. Tuy nhiên, ông Q xác định ông Q đã trả nợ xong cho ông N bằng tiền mặt, 01 lần trả tại cổng đen C, 01 lần trả tại cầu 33 tấn ấp B2, xã Phước Minh, Huyện D. Việc trả tiền không lập giấy tờ, không có ai chứng kiến. Nay ông Q không còn nợ ông N nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng, ghi nhận ông N không yêu cầu tính lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N khởi kiện ông Lê Văn Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn Q có nơi cư trú tại xã Phước Minh, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Lê Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông N, anh Quang có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Văn N khởi kiện ông Lê Văn Q, yêu cầu ông Q trả lại cho ông N số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các ủy nhiệm chi đề ngày 28/3/2023, 30/3/2023, 03/4/2023, 05/4/2023, tổng số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng. Đồng thời, nguyên đơn cung cấp các hình ảnh chụp đoạn hội thoại qua ứng dụng Zalo thể hiện ông Q hỏi vay tiền ông N có thời gian phù hợp với ngày tháng theo các ủy nhiệm chi. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05/6/2023 (bút lục số 18), ông Q thừa nhận có vay của ông N theo các ủy nhiệm chi ông N đã cung cấp nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ sự thừa nhận của các đương sự xác định giao dịch vay tiền giữa hai bên là có thật.

[2.2] Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05/6/2023 (bút lục số 18), ông Q trình bày đã trả hết nợ cho ông N bằng tiền mặt, trả 02 lần, cụ thể 01 lần trả tại cổng đen C, 01 lần trả lại cầu 33 tấn ấp B, xã P, Huyện D. Tuy nhiên, ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời, ông N cũng không thừa nhận ông Q đã trả nợ xong.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không tham gia tố tụng. Theo quy định tại các Điều 70, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bị đơn cố tình

vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ được coi là từ bỏ việc chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp và tài liệu chứng cứ Toà án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2.3] Xét thấy quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông Q không trả nợ cho ông N mặc dù ông N đã nhắc nhở nhiều lần. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N nên căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn Q có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền nợ gốc 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng, ghi nhận ông N không yêu cầu tính lãi

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với Lê Văn Q về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Buộc ông Lê Văn Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng. Ghi nhận ông N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Lê Văn Q phải chịu 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại ông N số tiền 7.250.000 (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0013445 ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện D
- Chi cục THADS huyện D
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Song Tố Như